

Bản án số: 51/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 20-6-2018

Về việc: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Toàn

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoài Đức Huệ

2. Bà Trần Thanh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Sơn- kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 200/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 22/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

+ ***Nguyên đơn:*** Ông **Võ Văn E**, sinh năm 1968.

+ ***Bị đơn:*** Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ: ấp 4, xã L, huyện N, tỉnh Đ.

(Ông E có mặt, bà T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/3/2018 và các lời khai tiếp theo tại Tòa, nguyên đơn ông Võ Văn E trình bày:

Giữa ông và bà T xây dựng gia đình với nhau vào năm 1993, đến năm 2005 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Đ, do cả hai đều tự nguyện.

Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nhưng trầm trọng chỉ khoảng 01 năm nay, nguyên nhân do bà T nghi ngờ ông có quan hệ tình cảm với người khác, ghen tuông vô cớ, rêu rao với người khác làm ảnh hưởng đến danh dự, gây tổn thương lòng tự trọng của ông. Vợ chồng chung sống nhưng thiếu tôn trọng lẫn nhau, khi vợ chồng cãi vã bà T sử dụng từ ngữ không chuẩn mực, xúc phạm ông. Từ tháng 8/2017, ông dọn ra chòi tôm sinh sống còn bà T sống tại căn nhà chung của vợ chồng ở ấp 4, xã L, huyện N, vợ chồng sống ly thân nhau đến nay.

Nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà T.

+ *Về con chung*: Có 02 cháu

1. Võ Thanh T1, sinh năm 1995.

2. Võ Thị Trúc M, sinh năm 1998.

Hiện các cháu đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

+ *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

+ *Về nợ chung*: Không có.

Tại biên bản lời khai ngày 13/4/2018 và các lời khai tiếp theo tại Tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: (tại hồ sơ)

Bà và ông E xây dựng gia đình với nhau vào năm 1993, đến năm 2005 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long T, huyện N, tỉnh Đ, do cả hai đều tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường, đôi lúc có cãi vã nhau nhưng không đến mức trầm trọng. Khoảng tháng 8/2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông E có quan hệ tình cảm với người khác, bà không có lần nào bắt gặp nhưng do bà quan sát thấy ông E có những biểu hiện lạ, vì vậy vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, trong lúc cãi vã bà có những lời lẽ không chuẩn mực, xúc phạm ông E, nhưng theo bà mâu thuẫn gia đình không có gì trầm trọng, bà vẫn còn tình cảm với ông E và hiện các con đã lớn, khi nào các con lấy chồng bà sẽ đồng ý ly hôn, bà mong muốn ông E suy nghĩ lại trở về đoàn tụ.

+ *Về con chung*: Có 02 cháu

1. Võ Thanh T1, sinh năm 1995.

2. Võ Thị Trúc M, sinh năm 1998.

Hiện các cháu đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

+ *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết.

+ *Về nợ chung*: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch:

- Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Ông E thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định pháp luật, còn bà T không chấp hành theo giấy triệu của Tòa để đến tham dự phiên tòa.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông Võ Văn E.

Về con chung: Đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tại phiên tòa hôm nay, bà T không có mặt nhưng Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt bà T.

[2] *Về hôn nhân*: Ông E, bà T xây dựng gia đình với nhau vào năm 1993, đến năm 2005 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Đ, do cả hai đều tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp.

Ông E xin ly hôn, bà T xin đoàn tụ, Tòa đã hòa giải để ông E suy nghĩ lại vợ chồng trở về đoàn tụ nhưng ông E vẫn cương quyết xin được ly hôn.

Xét thấy ông E xin ly hôn nguyên nhân do quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nhưng trầm trọng là khoảng 01 năm nay, bà T nghi ngờ ông E có quan hệ tình cảm với người khác, ghen tuông vô cớ, rêu rao với người khác làm ảnh hưởng đến danh dự, gây tổn thương lòng tự

trọng của ông E. Vợ chồng chung sống nhưng thiếu tôn trọng lẫn nhau, thường xuyên cãi vã nhau và bà T sử dụng từ ngữ không chuẩn mực, thường xuyên xúc phạm ông E. Tại hồ sơ bà T xác định bà nghi ngờ ông E có quan hệ tình cảm với người khác nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh và bà thừa nhận khi vợ chồng cãi vã nhau bà có xúc phạm ông E. Qua xác minh chính quyền địa phương cung cấp, trước tết nguyên đán năm 2018 bà T có làm đơn xin ly hôn ông E nộp tại địa phương nhưng sau đó bà rút đơn trở về đoàn tụ, từ đó cho thấy bà T cũng xác định mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, không thể chung sống với nhau được nên bà làm đơn xin ly hôn ông E, mặt khác vợ chồng đã tự sống ly thân từ tháng 8/2017 đến nay nhưng không bàn bạc đoàn tụ được chứng tỏ mâu thuẫn giữa ông E và bà T đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho ông E được ly hôn bà T.

[3] Về con chung: Có 02 cháu

1. Võ Thanh T1, sinh năm 1995.
2. Võ Thị Trúc M, sinh năm 1998.

Hiện các cháu đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xét.

[5] Về nợ chung: không có nên không xem xét.

Về án phí: Ông E phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, 35, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông Võ Văn E. Xử cho ông E được ly hôn bà Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

Về án phí: Ông E phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 003523 ngày 02/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch. Ông E đã nộp đủ án phí.

Ông E được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Bà T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Viện KSND huyện Nhơn Trạch;
- Chi cục THADS huyện Nhơn Trạch;
- UBND xã Long Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Võ Văn Toàn